

Bản án số: 10/2020/HS-ST

Ngày: 22-4-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Trường.

2. Ông Nguyễn Đình Ba.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện

Đ , tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ , tỉnh B tham gia phiên tòa:

Ông Phạm Khắc Thảo- Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 4 năm 2020 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đ , tỉnh B; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 15/2020/TLST-HS, ngày 26 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-HS, ngày 07 tháng 4 năm 2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Danh Văn A**, tên gọi khác: Dài, sinh năm 1999 tại Thành phố H

Nơi cư trú: Thôn 1A, xã Tr, huyện Đ , tỉnh B; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Danh Huệ, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị Ngào, sinh năm 1964; gia đình có 04 chị em, Danh Văn A là con út trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án hình sự phúc thẩm số 25/2016/HSPT, ngày 18/3/2016 bị Tòa án nhân dân tỉnh B xử phạt 06 (Sáu) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ (Có mặt).

- Bị hại:

+ Ông Phạm Văn E, sinh năm 1969; nơi cư trú: Tổ 1, thôn 1A, xã Tr, huyện Đ , tỉnh B (Có mặt).

+ Bà Đoàn Thị Tuyết L , sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn 1A, xã Tr, huyện Đ , tỉnh B (Vắng mặt- Có đơn xin xét xử vắng mặt lập ngày 21/4/2020).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Lương Khánh V, sinh năm 2000; nơi cư trú: Tổ 4, thôn 1A, xã Tr, huyện Đ , tỉnh B (Vắng mặt).

Vật chứng cần đưa ra xem xét tại phiên tòa: Không.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ , tỉnh B truy tố về hành vi phạm tội như sau: Trong các ngày 10/8/2019 và ngày 07/10/2019, Danh Văn A đã hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản để kiếm tiền tiêu xài tại thôn 1A, xã Tr, huyện Đ ,tỉnh B, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 03 giờ ngày 10/8/2019, Danh Văn A đi bộ đến nhà bà Đoàn Thị Tuyết L , thấy cửa sau không đóng nên A lên vào nhà để tìm tài sản, tại đây A đã lấy của bà L 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 5 màu xanh, 01 điện thoại di động hiệu Samsung J3 màu vàng đồng, số tiền 1.800.000 đồng (Một triệu E trăm nghìn đồng) và 05 tờ tiền mệnh giá 02 USD. Sau đó, A bán chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 5 màu xanh cho Lương Khánh Văn, sinh năm 2000, trú tại: Thôn 1A, xã Tr, huyện Đ , tỉnh B với giá 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng); bán chiếc điện thoại hiệu Samsung J3 màu vàng đồng cho Hoàng Hải Đăng, sinh năm 1992, trú tại: Thôn 1A, xã Tr, huyện Đ , tỉnh B với giá 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng); A đưa cho Phạm Đức An, sinh năm 1995, trú tại: Thôn 1A, xã Tr, huyện Đ , tỉnh B đổi 05 tờ tiền mệnh giá 02 USD lấy 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng). Cơ quan điều tra Công an huyện Đ đã thu giữ được chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 5 màu xanh. Riêng chiếc điện thoại di động hiệu Samsung J3 màu vàng đồng, số tiền 1.800.000 đồng (Một triệu E trăm nghìn đồng) và 05 tờ tiền mệnh giá 02 USD không thu giữ được.

Vụ thứ hai: Vào rạng sáng ngày 07/10/2019, Danh Văn A đi bộ đến nhà ông Phạm Văn E, A đột nhập vào nhà ông E nhưng không thành. Nhìn thấy tại nhà kho không có cửa, có 02 chiếc xe mô tô có chìa khóa trên xe, Danh Văn A trộm

chiếc xe mô tô có biển số 60N4-9808 và chạy về hướng huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai để bán lại. Khi xe hết xăng, A dắt vào bán cho một tiệm sửa xe bên đường tại huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai với giá 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Cơ quan điều tra Công an huyện Đ không thu giữ được chiếc xe mô tô có biển số 60N4-9808.

Hoàng Hải Đăng và Phạm Đức An hiện nay không có mặt tại địa phương.

Lương Khánh V mua chiếc điện thoại do Danh Văn A bán, nhưng không biết đây là tài sản do phạm tội mà có. Lương Khánh V không yêu cầu Danh Văn A phải bồi thường đối với số tiền 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng).

Tại kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐG ngày 09/01/2020 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự xác định: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 5 màu xanh, trị giá 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng); 01 điện thoại di động hiệu Samsung J3 màu vàng đồng, trị giá 1.000.000 đồng (Một triệu đồng); 05 tờ tiền mệnh giá 02 USD có giá trị 231.000 đồng (Hai trăm ba mươi một nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản đã được định giá là 3.231.000 đồng (Ba triệu hai trăm ba mươi một nghìn đồng).

Tại kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐG ngày 09/01/2020 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự xác định: 01 xe mô tô hiệu Honda Wave Alpha, màu đỏ đen, biển số 60N4-9808, số máy 5321891, số khung 221842, dung tích 97, xe đăng ký lần đầu ngày 26/3/2007, trị giá 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Tổng giá trị tài sản đã được định giá là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Tổng giá trị tài sản Danh Văn A đã trộm cắp là 8.031.000 đồng (Tám triệu không trăm ba mươi một nghìn đồng).

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã trả lại cho bà Đoàn Thị Tuyết L 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 5 màu xanh.

Bà Đoàn Thị Tuyết L yêu cầu Danh Văn A phải bồi thường cho bà số tiền 3.031.000 đồng (Ba triệu không trăm ba mươi một nghìn đồng).

Ông Phạm Văn E yêu cầu Danh Văn A phải bồi thường cho ông số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Danh Văn A thu lợi bất chính số tiền 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng).

Tại Cáo trạng số 16/CT-VKS-HS, ngày 26 tháng 3 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh B đã truy tố bị cáo Danh Văn A về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) cùng với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa khẳng định bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo Danh Văn A là hoàn toàn chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Danh Văn A về tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Danh Văn A từ 18 (Mười E) tháng đến 24 (Hai mươi bốn) tháng tù.

Buộc Danh Văn A phải bồi thường cho bà Đoàn Thị Tuyết L số tiền 3.031.000 đồng (Ba triệu không trăm ba mươi một nghìn đồng); bồi thường cho ông Phạm Văn E số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Buộc Danh Văn A phải nộp 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng) là khoản tiền thu lợi bất chính để sung vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo Danh Văn A không có ý kiến tranh luận, chỉ mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại ông Phạm Văn E không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Danh Văn A đã thừa nhận hành vi thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản tại nhà bà Đoàn Thị Tuyết L và ông Phạm Văn E, cụ thể như sau: Vào rạng sáng ngày 10/8/2019, Danh Văn A đến nhà bà Đoàn Thị Tuyết L, thấy cửa sau nhà bà L không đóng nên A lên vào nhà và trộm cắp của bà L 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 5 màu xanh, 01 điện thoại di động hiệu Samsung J3 màu vàng đồng, số tiền 1.800.000 đồng (Một triệu E trăm nghìn đồng) và 05 tờ tiền mệnh giá 02 USD. Sau đó, A bán chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 5 màu xanh cho Lương Khánh Văn với giá 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng);

bán chiếc điện thoại hiệu Samsung J3 màu vàng đồng cho Hoàng Hải Đăng với giá 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng); đưa cho Phạm Đức An 05 tờ tiền mệnh giá 02 USD đổi lấy 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng). Vào rạng sáng ngày 07/10/2019, Danh Văn A đi đến nhà ông Phạm Văn E trộm chiếc xe mô tô có biển số 60N4-9808 và chạy về hướng huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai để bán lại với giá 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Theo kết luận định giá thì tổng giá trị tài sản mà Danh Văn A đã chiếm đoạt là 8.031.000 đồng (Tám triệu không trăm ba mươi một nghìn đồng). Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Danh Văn A phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[2] Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, là khách thể được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là công dân đã trưởng thành, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đồng thời nhận thức rõ được hành vi sai trái của mình, nhưng vì bản thân lười lao động, muốn kiếm tiền tiêu xài nên bị cáo đã cố ý vi phạm pháp luật. Vì vậy, cần có mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo nhằm để răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung cho xã hội.

Bị cáo Danh Văn A phạm tội 02 lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3] Các biện pháp tư pháp:

Bà Đoàn Thị Tuyết L yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị tài sản bị mất là 3.031.000 đồng (Ba triệu không trăm ba mươi một nghìn đồng). Ông Phạm Văn E yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị chiếc xe bị mất là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Xét thấy, yêu cầu của bà L và ông E là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên buộc bị cáo Danh Văn A phải bồi thường cho bà Đoàn Thị Tuyết L số tiền 3.031.000 đồng (Ba triệu không trăm ba mươi một nghìn đồng), bồi thường cho ông Phạm Văn E số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Danh Văn A sau khi thực hiện hành vi trộm cắp đã bán chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 5 màu xanh cho Lương Khánh Văn để lấy số tiền 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng). Đây là khoản tiền thu lợi bất chính, vì vậy cần buộc bị cáo A phải nộp số tiền trên để sung vào ngân sách Nhà nước là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

[4] Lương Khánh Văn là người mua chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 5 màu xanh, khi mua Văn không biết đây là tài sản do Danh Văn A phạm tội mà có nên cơ quan cảnh sát điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Lương Khánh Văn là đúng pháp luật. Lương Khánh Văn không yêu cầu bị cáo A phải bồi thường lại số tiền 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng) nên không phải xem xét trong bản án này.

Hoàng Hải Đăng và Phạm Đức An không có mặt tại địa phương, không biết chỗ ở hiện nay. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ chưa làm rõ được hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, khi nào điều tra rõ sẽ được xử lý sau.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên Công an huyện Đ, tỉnh B; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh B:

Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[7] Về án phí: Bị cáo bị kết án phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí về dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Danh Văn A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Danh Văn A 18 (Mười E) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 07/01/2020.

2. Về biện pháp tư pháp:

Áp dụng khoản 1 Điều 48, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật dân sự:

Buộc Danh Văn A phải bồi thường cho bà Đoàn Thị Tuyết L số tiền là 3.031.000 đồng (Ba triệu không trăm ba mươi một nghìn đồng); bồi thường cho ông Phạm Văn E số tiền là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Kể từ ngày bà Đoàn Thị Tuyết L và ông Phạm Văn E có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền Danh Văn A phải bồi thường cho mỗi người nêu trên, thì hàng tháng Danh Văn A còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

Buộc Danh Văn A phải nộp số tiền 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng) là khoản tiền thu lợi bất chính để sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 1 và khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 21, điểm a và điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Danh Văn A phải nộp số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 301.000 đồng (Ba trăm linh một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 1 và khoản 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, báo cho bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (22/4/2020); báo cho bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh B;
- VKSND, Công an huyện Đ ;
- Chi cục THADS huyện Đ ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Huỳnh Văn Thuận